

KHÁCH HÀNG CHUẨN
KHÁCH HÀNG PWM
1. TÀI KHOẢN

Mở tài khoản thông thường	Miễn phí	Miễn phí
Mở tài khoản với dịch vụ Số Tài Khoản May Mắn		
+ Theo định dạng mặc định của Ngân hàng (chọn tối đa 6 số cuối/12 số)		
* Số Thịnh Vượng	3.300.000 VNĐ	3.300.000 VNĐ
* Số Sinh nhật	330.000 VNĐ	Miễn phí
* Số theo yêu cầu khác	550.000VNĐ	Miễn phí
+ Theo định dạng số điện thoại (10 số)	330.000 VNĐ	Miễn phí
Số dư tối thiểu		
+ Tài khoản thanh toán - VNĐ	50.000 VNĐ/tài khoản	50.000 VNĐ/ Tài khoản
+ Tài khoản thanh toán - USD	2 USD/tài khoản	2 USD/ Tài khoản
Số dư trung bình hàng tháng		
+ Tài khoản thanh toán - VNĐ	1.000.000 VNĐ/tài khoản	1.000.000 VNĐ/ Tài khoản
+ Tài khoản thanh toán - USD	50 USD/tài khoản	50 USD/ Tài khoản
Phí quản lý tài khoản hàng tháng (Trong trường hợp Số dư trung bình tháng của Tài khoản thanh toán dưới 1.000.000 VNĐ/50 USD)	11.000 VNĐ/tháng/tài khoản (hoặc tương đương USD)	11.000 VNĐ/ Tháng/ Tài khoản (Hoặc tương đương USD)
Phí duy trì tài khoản PWM (Nếu không đáp ứng yêu cầu số dư trung bình hàng tháng)	Không áp dụng	550.000 VNĐ/ Tháng
Thay đổi thông tin tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
Phong tỏa/ Giải tỏa tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
Thay đổi mật khẩu tài khoản	44.000 VNĐ/lần yêu cầu	Miễn phí
Phát hành sổ tài khoản		Miễn phí
+ Tài khoản không kỳ hạn	55.000 VNĐ/sổ tài khoản	Miễn phí
+ Tài khoản có kỳ hạn/ tích lũy	Miễn phí	Miễn phí
Phát hành lại sổ tài khoản do mất/ hư hỏng (tất cả loại sổ)	55.000 VNĐ/sổ tài khoản	Miễn phí
Xác nhận số dư tài khoản	110.000 VNĐ/lần yêu cầu	Miễn phí
Xác nhận tài khoản	110.000 VNĐ/lần yêu cầu	Miễn phí
Sao kê tài khoản	11.000 VNĐ/tháng sao kê	Miễn phí
Cấp lại biên lai (Phát hành hơn 3 tháng trước ngày yêu cầu cấp lại)	110.000 VNĐ/ lần yêu cầu	Miễn phí
Duy trì tài khoản không hoạt động	11.000 VNĐ hoặc 1,1 USD/ tháng/ tài khoản	Miễn phí
Đóng tài khoản dưới 1 năm tính từ ngày mở	110.000 VNĐ/ tài khoản	Miễn phí
Phí quản lý khác	110.000 VNĐ/ lần yêu cầu	Miễn phí

2. KÊNH GIAO DỊCH NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

2.1 INTERNET BANKING		
Phí đăng ký	Miễn phí	Miễn phí
Phí phát hành thẻ mật mã	Miễn phí	Miễn phí
Phí phát hành lại thẻ mật mã	44.000 VNĐ/ thẻ mật mã	44.000 VNĐ/ Thẻ mật mã
Phí phát hành/ tái phát hành OTP	220.000 VNĐ/ OTP	220.000 VNĐ/ OTP
Phí phát hành/ tái phát hành A-OTP	550.000 VNĐ/ OTP	550.000 VNĐ/ OTP
Phí thường niên M-OTP	Miễn phí	Miễn phí
Phí thường niên Online A-OTP	55.000 VNĐ/ năm	55.000 VNĐ/ Năm
2.2 NGÂN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI		
Phí đăng ký	Miễn phí	Miễn phí
2.3 DỊCH VỤ SMS		
Phí đăng ký	Miễn phí	Miễn phí
Phí cung cấp dịch vụ (thu theo số điện thoại đăng ký & tài khoản) "Tin nhắn biến động số dư sẽ không áp dụng cho những giao dịch có giá trị thấp hơn 100.000 VNĐ"	10.000 VNĐ hoặc 0,55 USD/ tháng	Miễn phí
2.4 THẺ SAMSUNG PAY		
Nạp tiền qua ứng dụng Samsung Pay	Miễn phí	Miễn phí
Chuyển khoản tới số điện thoại	8.800 VNĐ/giao dịch	8.800 VNĐ/ Giao dịch
Chuyển khoản tới số thẻ/số tài khoản ngân hàng khác	8.800 VNĐ/giao dịch	8.800 VNĐ/ Giao dịch
Chuyển khoản nội bộ Shinhan	Miễn phí	Miễn phí
Thanh toán POS	Miễn phí	Miễn phí
Phí thường niên	Miễn phí	Miễn phí
2.5 THANH TOÁN QUA MÃ QR		
Thanh toán bằng mã QR (ở trong nước)	Miễn phí	Miễn phí

Thanh toán bằng mã QR (ở nước ngoài)	0,22% (Tối thiểu 2.200 VND)	0,22% (Tối thiểu 2.200 VND)
3. SÉC TIỀN MẶT SHBVN		
Phát hành séc	44.000 VND/ quyển séc	44.000 VND/ Quyển séc
Phí không đủ tiền thanh toán (Thu theo từng tờ séc xuất trình lần thứ 2)	220.000 VND	220.000 VND
Phí dừng thanh toán	220.000 VND/ tờ	220.000 VND/ Tờ
4. NỘP TIỀN MẶT		
4.1 BẰNG VND	Miễn phí	Miễn phí
Phí kiểm đếm (Áp dụng cho giao dịch nộp tiền mặt từ 500 triệu đồng trở lên và rút tiền hoặc chuyển tiền trong nước trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền)	0,022%	0,022%
4.2 BẰNG USD	Miễn phí	Miễn phí
5. RÚT TIỀN MẶT TẠI QUẦY		
Bằng VND	Miễn phí	Miễn phí
Bằng USD	0,22% (Tối thiểu 2.2 USD)	Miễn phí
Ngoại tệ khác	0,66% (Tối thiểu 2.2 USD)	0,66% (Tối thiểu 2.2 USD)
* Miễn phí rút tiền từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/ tích lũy nếu thời gian thực gửi trên 30 ngày		
6. CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ		
Chuyển khoản nội bộ (Tại quầy/ Internet Banking/ Mobile Banking)	Miễn phí	Miễn phí
Chuyển khoản nội bộ theo danh sách (tại quầy)	1.650 VND/ tài khoản	Miễn phí
Chuyển khoản nội bộ tự động	Miễn phí	Miễn phí
7. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN		
7.1 NHẬN TIỀN VỀ		
7.1.1. Từ những ngân hàng nước ngoài		
Tiền về từ ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc		
+ Tài khoản người hưởng tại SHBVN		
* Bằng ngoại tệ		
- Người nước ngoài	0,11% (Tối thiểu 5.5 USD - Tối đa 33 USD)	Miễn phí
- Người Việt Nam	0,055% (Tối đa 33 USD)	Miễn phí
* Bằng VND	Cố định 759,000 VND / giao dịch	Miễn phí
+ Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác tại Việt Nam		
* Bằng USD	11 USD/ giao dịch cho người Việt Nam	11 USD/ Giao dịch cho người Việt Nam
	16,5 USD/ giao dịch cho trường hợp khác	16,5 USD/ Giao dịch cho trường hợp khác
* Bằng VND		
- Dưới 4,5 tỷ VND	759.000 VND/ giao dịch	759.000 VND/ Giao dịch
- Trên 4,5 tỷ VND	1.138.500 VND / giao dịch	1.138.500 VND / Giao dịch
* Chuyển tiền nhanh tức thì		
	Cố định 11 USD	
Tiền về từ Ngân hàng KEB Hana, Chi nhánh Hà Nội	Cố định 2,2 USD	Miễn phí
Tiền về từ những ngân hàng khác		
+ Tài khoản người hưởng tại SHBVN		
- Người nước ngoài	0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 55 USD)	Miễn phí
- Người Việt Nam	0,055% (Tối thiểu 2.2 USD - Tối đa 55 USD)	Miễn phí
7.1.2. Từ những ngân hàng khác trong nước	Miễn phí	Miễn phí
7.2 CHUYỂN TIỀN ĐI		
7.2.1. Chuyển tiền đi những ngân hàng nước ngoài		
Tài khoản người hưởng tại ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc		
* Bằng ngoại tệ	0,11% (Tối thiểu 5.5 USD - Tối đa 33 USD)	Miễn phí
Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác	0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 55 USD)	Miễn phí
7.2.2. Chuyển tiền đi các ngân hàng trong nước (Từ Tài khoản)		
* Bằng VND		
+ Dưới 500 triệu VND		
- Trước 14:30	0,011% (Tối thiểu 22.000 VND)	Miễn phí
- Sau 14:30	0,033% (Tối thiểu 33.000 VND)	Miễn phí
+ Từ 500 triệu VND trở lên		
- Trước 14:30	0,033% (Tối đa 275.000 VND)	Miễn phí
- Sau 14:30	0,044% (Tối đa 440.000 VND)	Miễn phí
+ Chuyển tiền nhanh tức thì	Cố định VND 18.000	Miễn phí
* Bằng ngoại tệ		
+ Trước 14:30		
- Tài khoản người hưởng tại VCB	4,4 USD	Miễn phí
- Tài khoản người hưởng ngoài VCB	6,6 USD	Miễn phí
+ Sau 14:30	0,11% (Tối thiểu 5,5 USD - Tối đa 60,5 USD)	Miễn phí

7.2.3. Chuyển tiền đi các ngân hàng trong nước (Bảng tiền mặt VND)		
* Bảng VND		
+ Dưới 500 triệu VND		
- Trước 14:30	0,022% (Tối thiểu 33.000 VND)	Miễn phí
- Sau 14:30	0,033% (Tối thiểu 55.000 VND)	Miễn phí
+ Từ 500 triệu VND trở lên		
- Trước 14:30	0,044% (Tối đa 550.000 VND)	Miễn phí
- Sau 14:30	0,055% (Tối đa 660.000 VND)	Miễn phí
* Bảng USD	Không áp dụng	Không áp dụng
7.3 GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN QUA INTERNET BANKING		
7.3.1. Chuyển tiền đi những Ngân hàng nước ngoài		
Tài khoản người hưởng tại ngân hàng Shinhan, Hàn Quốc	Miễn phí	Miễn phí
Tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác	0,11% (Tối thiểu 11 USD - Tối đa 33 USD)	Miễn phí
7.3.2. Chuyển tiền đi các ngân hàng trong nước		
* Bảng VND		
+ Trước 14:30	0,011% (Tối thiểu 11.000 VND - Tối đa 220.000 VND)	Miễn phí
+ Sau 14:30	0,022% (Tối thiểu 16.500 VND - Tối đa 330.000 VND)	Miễn phí
* Bảng USD		
+ Trước 14:30		
- Tài khoản người hưởng tại VCB	2,2 USD	Miễn phí
- Tài khoản người hưởng ngoài VCB	3,3 USD	Miễn phí
+ Sau 14:30	0,055% (Tối thiểu 5,5 USD - Tối đa 60,5 USD)	Miễn phí
7.3.3. Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 (Chuyển tiền nhanh tức thì)		
- Từ dưới 500.000 VND	Cố định 1.650 VND	Miễn phí
- Từ 500.001 VND đến 2.000.000 VND	Cố định 5.000 VND	Miễn phí
- Từ 2.000.001 VND đến 300.000.000 VND	Cố định 9.900 VND	Miễn phí
- Từ 300.000.001 đến 499.999.999 VND	Cố định 12.000 VND	Miễn phí
7.4 TRA SOÁT - TU CHÍNH - HỦY GIAO DỊCH - HOÀN TRẢ		
7.4.1. Tra soát giao dịch chuyển tiền đến	Miễn phí	Miễn phí
7.4.2. Tu chính lệnh chuyển tiền đi		
Nước ngoài	11 USD/yêu cầu	11 USD/ Yêu cầu
Trong nước		
+ Bảng VND	27.500 VND/ yêu cầu	27.500 VND/ Yêu cầu
+ Bảng ngoại tệ	2,2 USD/ yêu cầu	2,2 USD/ Yêu cầu
7.4.3. Hủy lệnh chuyển tiền đi	Phí thực tế giao dịch	Phí thực tế giao dịch
7.4.4. Hoàn trả lệnh chuyển tiền đến		
Nước ngoài	Như phí giao dịch chuyển tiền đến	Như phí giao dịch chuyển tiền đến
Trong nước	Miễn phí	Miễn phí
7.5 DỊCH VỤ KHÁC		
7.5.1. Phí xác nhận	Cố định 110.000 VND	Cố định 110.000 VND
7.5.2. Phí chuyển nguyên số tiền theo yêu cầu của người chuyển (*)		
Nước ngoài		
+ Phí chuyển nguyên số tiền đến Ngân hàng trung gian đầu tiên	Từ 5,5 USD	Từ 5,5 USD
+ Phí chuyển nguyên số tiền đến người hưởng cuối cùng	Từ 27,5 USD	Từ 27,5 USD
Trong nước	Từ 0,33 USD	Từ 0,33 USD
(*) Mức phí sẽ tùy thuộc vào từng Ngân hàng hưởng và chính sách ghi có nguyên số tiền của từng Ngân hàng hưởng		
8. THẺ ATM		
Phí phát hành thẻ lần đầu	88.000 VND/ thẻ	Miễn phí
Phí phát hành thẻ từ lần 2/Phí cấp lại thẻ	88.000 VND/ thẻ	Miễn phí
Phí cài đặt lại mã PIN	Miễn phí	Miễn phí
Phí thường niên	Miễn phí	Miễn phí
Phí rút tiền mặt		
+ ATM của ngân hàng Shinhan	Miễn phí	Miễn phí
+ ATM của ngân hàng khác	3.300 VND/giao dịch	Miễn phí
Phí truy vấn số dư		
+ ATM của ngân hàng Shinhan	Miễn phí	Miễn phí
+ ATM của ngân hàng khác	Miễn phí	Miễn phí
Phí in hóa đơn giao dịch	Miễn phí	Miễn phí
Phí tra soát (trường hợp lỗi do Khách hàng)	55.000 VND/ giao dịch	55.000 VND/ Giao dịch
Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ dưới 500.000 VND	Cố định 1.650 VND	Miễn phí
Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ 500.001 VND đến 2.000.000 VND	Cố định 5.000 VND	Miễn phí
Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 từ 2.000.001 VND đến 50.000.000 VND	Cố định 9.900 VND	Miễn phí

9. THẺ QUỐC TẾ SHINHAN		
Thẻ Tín dụng/Ghi nợ Quốc Tế		Xem tại đây
10. TÍN DỤNG		
Phí trả nợ trước hạn		
+ Vay tín chấp	Năm 1 - năm 3: 3% trên tổng dư nợ còn lại. Sau đó: Không thu phí	
+ Vay thế chấp	Theo từng thời điểm và sản phẩm tín dụng.	
+ Vay mua xe	Phí trả nợ trước hạn sẽ được nêu rõ trên hợp đồng tín dụng	
11. DỊCH VỤ KHÁC (*)		
Phí cấp Giấy xác nhận thông tin khoản vay	Đối với mỗi lượt yêu cầu:	
Phí sao y bản chính tại Ngân hàng	110.000 VNĐ/ Bản đầu tiên; 55.000 VNĐ/ Bản, từ Bản thứ 2	
Phí xuất mượn hồ sơ tài sản bảo đảm để sao y công chứng tại bên thứ ba	Bộ sao y đầu tiên: <10 trang: 110.000 VNĐ; ≥10 trang: 330.000 VNĐ Từ bộ thứ hai: Mỗi bộ = 30% mức phí của bộ đầu tiên	
Phí phát hành Giấy xác nhận/ Đồng ý liên quan đến tài sản bảo đảm	550.000 VNĐ/ TSĐB	
Phí xuất mượn hồ sơ tài sản bảo đảm là Bất động sản để Chứng minh tài chính/ Cập nhật biến động	Cùng tỉnh thành: 2.200.000 VNĐ/ TSĐB Khác tỉnh thành: 3.300.000 VNĐ/ TSĐB	
Phí thay đổi tài sản bảo đảm	3.300.000 VNĐ/ TSĐB Phí áp dụng trên mỗi tài sản mới	
Phí xuất mượn giấy Chứng nhận Đăng ký xe Ô tô để làm thủ tục hoàn cải/ đối chiếu với cơ quan chức năng	1.100.000 VNĐ/ TSĐB	
Phí phát hành Biên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô	Phát hành lần đầu/ Phát hành gia hạn hiệu lực: không thu phí	
(*) Điều kiện & Điều khoản áp dụng:		
+ Ngân hàng có quyền cung cấp/ không cung cấp dịch vụ cho từng trường hợp cụ thể.		
+ Đối với các dịch vụ Xuất mượn Hồ sơ bản gốc: chỉ các cá nhân được ủy quyền (Nhân viên Ngân hàng hoặc Bên thứ ba có liên kết cung cấp dịch vụ pháp lý với Ngân hàng) được trực tiếp cầm hồ sơ bản gốc đi cùng Khách hàng để xuất trình/ nộp cho cơ quan chức năng. Sau khi thực hiện xong dịch vụ, cá nhân được ủy quyền nêu trên sẽ trực tiếp mang Giấy hẹn bản gốc/ Hồ sơ bản gốc về lưu kho tại Ngân hàng.		
12. MẠNG LƯỚI ATM CỦA SHINHAN		
Phí kiểm tra số dư tài khoản bằng thẻ phát hành tại ngân hàng khác	Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành	
Phí rút tiền mặt bằng thẻ ATM phát hành tại ngân hàng khác	Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành	
Phí rút tiền mặt bằng thẻ Visa/Master phát hành tại ngân hàng khác tại Việt Nam	Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành	
Phí rút tiền mặt bằng thẻ Visa/Master phát hành phát hành tại Nước Ngoài	50,000 VND/ Giao dịch	
Chuyển tiền ngoại mạng bằng thẻ ATM(*) phát hành tại ngân hàng khác	Theo biểu phí tại Ngân Hàng phát hành	
(*) Chỉ áp dụng cho tài khoản thụ hưởng là tài khoản tại Ngân Hàng phát hành thẻ		

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Biểu phí giao dịch trên đây áp dụng cho các giao dịch thông thường tại Ngân hàng. Các chi phí khác như phí đóng dấu, điện phí, ngân hàng đại lý...sẽ được thu phụ trội theo thỏa thuận khi cần thiết.
2. Các khoản phí đã thu sẽ không hoàn trả cho khách hàng ngay cả trong trường hợp có yêu cầu hủy giao dịch.
3. Trường hợp khách hàng thanh toán phí bằng loại tiền khác với biểu phí quy định thì tỉ giá được công bố bởi Ngân hàng Shinhan Việt Nam sẽ được áp dụng.
4. Tất cả các phí và phí tổn được áp dụng tại thời điểm công bố và được thay đổi không cần báo trước.
5. Tất cả các phí và phí tổn đã bao gồm thuế GTGT trừ những trường hợp được nêu cụ thể.

